

Giao Thủy ngày 6 tháng 9 năm 2024

Công khai tóm tắt hướng dẫn thu, chi học phí; chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, năm 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (*sau đây viết tắt là Nghị định số 81/2021/NĐ-CP*)

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý; Căn cứ Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định quy định thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Thực hiện Hướng dẫn số 1617/HD-SGDĐT ngày 30/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc thực hiện quản lý thu, chi học phí đối với cơ sở giáo dục do tỉnh Nam Định quản lý năm học 2024-2025; Hướng dẫn số 1628/HD-SGDĐT ngày 05/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2024-2025;

Thực hiện Hướng dẫn số 1223/UBND-GDĐT ngày 05/9/2024 của UBND huyện Giao Thủy về việc thực hiện quản lý thu, chi học phí đối, thu, chi các khoản dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục năm học 2024-2025;

Nhằm triển khai kịp thời, đầy đủ chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với học sinh theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, Trường THCS Hoàn Sơn hướng dẫn thủ tục, hồ sơ thu, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 như sau:

I. THU HỌC PHÍ.

1. Thu học phí: Mức thu học phí tại trường THCS Hoàn Sơn thực hiện theo quy định Nghị quyết 10/2024/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định- **70.000đ/học sinh/tháng**

2. Chi học phí: Tối thiểu 40% trích Cải cách tiền lương, tối đa 60% chi thường xuyên trong đơn vị.

II. CHẾ ĐỘ MIỄN, GIẢM VỀ HỌC PHÍ.

Thực hiện theo Nghị định số 81/2021 NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo

dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Dưới đây là trích lược 1 số nội dung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP có liên quan đến nhà trường.

“ Điều 15. Đối tượng được miễn học phí

1. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh**, sinh viên **khuyết tật**.

3. Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng và người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học phổ thông**, giáo dục đại học văn bằng thứ nhất **thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP** ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

4. Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh phổ thông**, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

7. Trẻ em mầm non và **học sinh phổ thông**, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **là con đẻ, con nuôi hợp pháp của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP** ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.

15. **Học sinh**, sinh viên **người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP** ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Đối tượng được giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí

1. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm:

c) Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh**, sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở **thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi**, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

a) Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh**, sinh viên là **con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên**;

b) Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh phổ thông**, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ cận nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

III. CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ.

Điều 18. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

1. Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh phổ thông**, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **mồ côi cả cha lẫn mẹ**.

2. Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh phổ thông**, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **bị khuyết tật**.

3. Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh phổ thông** học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo** theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trẻ em học mẫu giáo và **học sinh phổ thông**, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III** vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 20. Cơ chế miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ đóng học phí

Khoản 10. Nhà nước thực hiện hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng quy định tại Điều 18 Nghị định này với mức **150.000 đồng/học sinh/tháng để mua sách**, vở và các đồ dùng học tập khác. Thời gian được hưởng theo thời gian học thực tế và không quá 9 tháng/1 năm học và thực hiện chi trả 2 lần trong năm vào đầu các học kỳ của năm học."

IV. QUY TRÌNH THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC CHI TRẢ

Điều 19. Hồ Sơ thủ tục thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học

a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí:

- Đối với các đối tượng **thuộc diện được miễn, giảm học phí** học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên: Mẫu đơn theo Phụ lục II (*mẫu số 1 dưới đây*);

- Đối với các đối tượng thuộc diện được **hỗ trợ chi phí học tập** học mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên: Mẫu đơn theo Phụ lục III (*mẫu số 2 dưới đây*);

b) Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao từ sổ gốc giấy tờ **chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập** đối với các đối tượng sau:

- **Giấy xác nhận** của cơ quan quản lý đối tượng **người có công** đối với đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

- **Giấy xác nhận khuyết tật** do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này;

- **Quyết định về việc trợ cấp xã hội** của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đối tượng được quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định này;

- **Giấy xác nhận hộ nghèo** do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này;

- **Giấy chứng nhận** đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo quy định tại Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng đối với đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định này;

- **Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng** của cha hoặc mẹ bị **tai nạn lao động** hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định này;

- **Giấy xác nhận hộ cận nghèo** do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

c) Đối với trẻ em mầm non và **học sinh** phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông **vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ** các giấy tờ liên quan nói trên **kèm đơn theo mẫu Phụ lục IV (mẫu số 3 dưới đây)** của Nghị định này.

d) Người học thuộc diện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

đ) Trường hợp học sinh, sinh viên có thể căn cước công dân và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú có thể khai thác từ việc kết nối và chia sẻ dữ liệu về dân cư với các cơ sở giáo dục đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Tài chính, Sở Tài chính, thì cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em, học sinh, sinh viên **không phải nộp “Giấy khai sinh” và “Sổ hộ khẩu thường trú**.

Nơi nhận:

-Cổng TTĐT trường;

-Lưu VP

**TM NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**



Lê Hồng Minh